

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua các Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty Mẹ (Báo cáo tài chính riêng) và Báo cáo tài chính hợp nhất của VEAM cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Hội đồng quản trị VEAM kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán, bao gồm:

- 1) Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
- 2) Báo cáo của Kiểm toán độc lập;
- 3) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019;
- 4) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019;
- 5) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019;
- 6) Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2019.

Một số chỉ tiêu chính của Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2019 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất
I. Tổng tài sản	25.633.330	33.289.019
1. Tài sản ngắn hạn	21.504.762	22.987.032
2. Tài sản dài hạn	4.128.568	10.301.987
II. Nợ phải trả	5.301.691	6.450.958

Chỉ tiêu	BCTC Riêng	BCTC Hợp nhất
1. Nợ ngắn hạn	5.275.638	6.300.047
2. Nợ dài hạn	26.053	150.911
III. Vốn CSH	20.331.639	26.838.061
IV. Kết quả kinh doanh		
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	685.356	4.487.653
2. Lợi nhuận trước thuế	7.088.222	7.414.994
3. Lợi nhuận sau thuế	7.043.429	7.318.738

Toàn bộ Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán (kèm theo) đã được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị VEAM đồng ý thông qua các Báo cáo tài chính nêu trên. Trong trường hợp cần thiết sẽ điều chỉnh Báo cáo tài chính năm 2019 đảm bảo quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KTTC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Quang Chuyện

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG
NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Quang Chuyễn	Chủ tịch	
Ông Vũ Quang Tâm	Thành viên	(Tạm đình chỉ chức vụ từ ngày 13 tháng 3 năm 2020)
Ông Ngô Văn Tuyển	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên	
Ông Lê Hữu Phúc	Thành viên	
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên	(Bầu ngày 30 tháng 6 năm 2019)
Ông Trần Ngọc Hà	Thành viên	(Bãi nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Văn Tuyển	Quyền Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Quy	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2019)
Ông Trần Ngọc Hà	Tổng Giám đốc	(Bãi nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019)
Ông Vũ Từ Công	Phó Tổng Giám đốc	(Bãi nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Văn Tuyền
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của một số hàng tồn kho với số tiền là 176.594.643.926 VND (tại 31 tháng 12 năm 2018: 173.017.444.053 VND). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nói trên một cách hợp lý, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để xác định dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập là đầy đủ và thích hợp hay không. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh dự phòng giảm giá hàng tồn kho hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan khác trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của một số hàng tồn kho tại Nhà máy Ô tô VEAM - chi nhánh của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 1.064.717.371.121 VND và đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 207.344.509.330 VND trên Bảng cân đối kế toán và ghi nhận chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 170.812.756.289 VND trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019. Tuy nhiên, kiểm toán viên tiền nhiệm không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về sự giảm giá của hàng tồn kho này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề này đối với báo cáo tài chính của Nhà máy Ô tô VEAM - chi nhánh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Do số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng có thể có đến chỉ tiêu lợi nhuận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối đầu năm trong Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Thuyết minh số 24 và Thuyết minh số 28 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu bán 450 xe Mighty 2017 trong năm 2018 với số tiền là 261.818.181.900 VND, giá vốn và chi phí bán hàng liên quan tương ứng là 229.707.416.374 VND và 1.627.700.850 VND nhưng toàn bộ xe được bàn giao trong năm 2019. Điều này là không phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc ghi nhận doanh thu này từ quyết định của Ban Tổng Giám đốc ở niên độ trước và đã dẫn đến việc kiểm toán viên tiền nhiệm phải đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty của niên độ đó. Nếu doanh thu trên được ghi nhận đúng kỳ, các chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ", "Giá vốn hàng bán", "Chi phí bán hàng" và "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 của Tổng Công ty sẽ tăng thêm với số tiền lần lượt là 261.818.181.900 VND, 229.707.416.374 VND, 1.627.700.850 VND và 6.096.612.935 VND. Đồng thời, trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay" sẽ lần lượt giảm đi và tăng thêm với cùng một số tiền là 24.386.451.741 VND.

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 25 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu về hỗ trợ vốn và phải thu về lãi hỗ trợ vốn tương ứng với số tiền lần lượt là 546.180.303.728 VND và 74.658.024.408 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 570.944.647.292 VND và 75.490.785.012 VND) và thực hiện ghi nhận lãi phát sinh từ việc hỗ trợ vốn tương ứng với số tiền là 1.367.015.737 VND (năm 2018: 2.730.106.740 VND). Kiểm toán viên tiền nhiệm không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi các khoản phải thu nêu trên cũng như việc tiếp tục ghi nhận lãi phát sinh từ việc hỗ trợ vốn tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng năm 2018 và đã dẫn đến việc kiểm toán viên tiền nhiệm phải đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng của niên độ này. Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với các vấn đề này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Do đó, chúng tôi cũng không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính riêng hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 33 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty tại thời điểm Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 09 tháng 4 năm 2019 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



Trần Thị Thúy Ngọc

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0031-2018-001-1

Phan Ngọc Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1101-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.504.761.791.450	13.777.899.237.575
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.321.927.564.095	205.359.805.369
1. Tiền	111		116.617.564.095	148.970.539.414
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.205.310.000.000	56.389.265.955
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	10.670.661.616.953	8.618.390.954.308
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.670.661.616.953	8.618.390.954.308
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.161.129.059.854	3.327.313.360.593
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	403.993.576.668	869.011.309.392
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	193.908.736.141	174.220.584.978
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.894.684.603.856	2.608.355.988.707
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(341.961.446.937)	(326.920.156.012)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	9	10.503.590.126	2.645.633.528
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.269.435.209.163	1.565.820.616.488
1. Hàng tồn kho	141		1.484.149.433.929	1.602.352.369.529
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(214.714.224.766)	(36.531.753.041)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		81.608.341.385	61.014.500.817
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.461.378.669	1.873.839.353
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		74.017.202.658	54.610.174.473
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	6.129.760.058	4.530.486.991
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.128.567.823.556	4.948.672.001.488
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.735.000.000	620.586.067.292
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	2.735.000.000	48.876.150.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	-	571.709.917.292
II. Tài sản cố định	220		736.595.274.588	789.668.479.885
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	686.442.512.057	770.450.406.209
- Nguyên giá	222		1.370.093.270.777	1.342.076.564.402
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(683.650.758.720)	(571.626.158.193)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	50.152.762.531	19.218.073.676
- Nguyên giá	228		52.570.286.266	19.850.307.767
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.417.523.735)	(632.234.091)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	39.623.917.075
1. - Nguyên giá	231		-	57.450.728.754
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(17.826.811.679)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		57.116.237.793	60.097.804.473
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	57.116.237.793	60.097.804.473
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	3.280.437.079.978	3.362.497.815.168
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.791.819.550.877	2.793.088.901.590
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		707.098.071.180	691.688.117.180
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.001.060.828	27.170.823.616
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(229.481.602.907)	(149.450.027.218)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		51.684.231.197	76.197.917.595
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	51.684.231.197	76.197.917.595
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		25.633.329.615.006	18.726.571.239.063

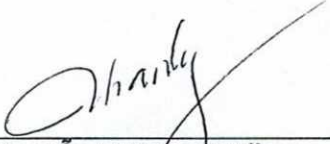
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

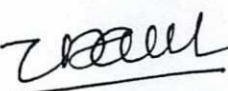
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.301.690.644.009	213.366.643.077
I. Nợ ngắn hạn	310		5.275.637.852.435	202.571.919.689
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	11.857.336.331	54.703.064.953
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.643.434.871	7.979.164.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	7.261.607.782	34.252.861.069
4. Phải trả người lao động	314		20.284.775.547	7.408.640.868
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	27.816.131.751	37.347.750.732
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	2.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	5.190.764.647.956	57.207.528.945
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.800.000.000	3.534.736.744
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.209.918.197	136.172.260
II. Nợ dài hạn	330		26.052.791.574	10.794.723.388
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	26.052.791.574	10.794.723.388
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.331.638.970.997	18.513.204.595.986
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	20.331.449.802.997	18.512.454.595.986
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.043.449.802.997	5.224.454.595.986
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		20.931.753	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.043.428.871.244	5.224.454.595.986
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		189.168.000	750.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		189.168.000	750.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		25.633.329.615.006	18.726.571.239.063


Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập biểu


Văn Đình Quân
Kế toán trưởng



Ngô Văn Tuyển
Quyền Tổng Giám đốc

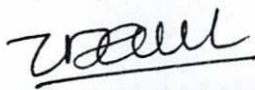
Ngày 31 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

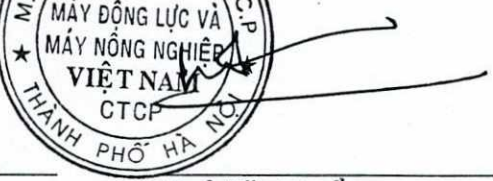
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	685.361.586.209	2.927.109.085.465
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.442.364	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		685.356.143.845	2.927.109.085.465
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	1.022.862.787.969	2.722.794.840.214
5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(337.506.644.124)	204.314.245.251
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	7.827.342.119.801	5.494.790.932.152
7. Chi phí tài chính	22	26	80.185.597.553	148.112.599.147
8. Chi phí bán hàng	25	28	33.893.955.769	105.618.027.831
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	191.218.111.353	185.795.382.924
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		7.184.537.811.002	5.259.579.167.501
11. Thu nhập khác	31		1.466.170.367	1.460.525.400
12. Chi phí khác	32	29	97.782.466.951	10.417.787.434
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(96.316.296.584)	(8.957.262.034)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.088.221.514.418	5.250.621.905.467
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	44.792.643.174	26.167.309.481
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		7.043.428.871.244	5.224.454.595.986


Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập biểu


Văn Đình Quân
Kế toán trưởng




Ngô Văn Tuyển
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.088.221.514.418	5.250.621.905.467
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		95.983.078.492	95.051.072.046
Các khoản dự phòng	03		271.520.601.595	104.881.590.724
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		75.379.101	(21.348.870)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7.826.571.500.003)	(5.493.884.901.287)
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(370.770.926.397)	(43.351.681.920)
Thay đổi các khoản phải thu	09		534.404.207.857	(1.779.003.085.294)
Thay đổi hàng tồn kho	10		118.202.935.600	1.237.002.541.241
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(62.667.150.046)	(2.026.382.851.474)
Thay đổi chi phí trả trước	12		24.926.147.082	6.578.768.157
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(58.240.874.221)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	15.410.206.262
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(55.630.094.618)	(1.525.493.986.637)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		130.224.245.257	(4.115.240.089.665)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.293.410.661)	(7.987.109.426)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.739.739.566.845)	(10.318.390.954.308)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.687.468.904.200	3.500.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(284.788.090.226)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.041.984.251.693	9.853.987.197.023
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.986.420.178.387	2.742.821.043.063

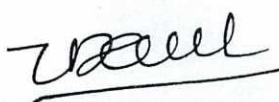
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(74.025.900)	(512.706.317.754)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(74.025.900)	(512.706.317.754)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	5.116.570.397.744	(1.885.125.364.356)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	205.359.805.369	2.090.605.939.937
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.639.018)	(120.770.212)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5.321.927.564.095	205.359.805.369


Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập biểu


Văn Đình Quân
Kế toán trưởng


Ngô Văn Tuyền
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020



**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG
NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 37

38
ÔNG
G L
G N
N
CP
Ổ
D
V
ĐỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Quang Chuyền	Chủ tịch	
Ông Ngô Văn Tuyển	Thành viên	
Ông Vũ Quang Tâm	Thành viên	(Tạm đình chỉ từ ngày 13 tháng 3 năm 2020)
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên	
Ông Lê Hữu Phúc	Thành viên	
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên độc lập	(Bầu ngày 30 tháng 6 năm 2019)
Ông Trần Ngọc Hà	Thành viên	(Bãi nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Văn Tuyển	Quyền Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Quy	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2019)
Ông Trần Ngọc Hà	Tổng Giám đốc	(Bãi nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019)
Ông Vũ Tử Công	Phó Tổng Giám đốc	(Bãi nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Văn Tuyền
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 26 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu về hỗ trợ vốn và phải thu về lãi hỗ trợ vốn tương ứng với số tiền lần lượt là 94.002.181.259 VND và 35.072.675.721 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 105.956.524.823 VND và 35.375.511.775 VND) và thực hiện ghi nhận lãi phát sinh từ việc hỗ trợ vốn tương ứng với số tiền là 662.899.191 VND (năm 2018: 695.109.820 VND). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi các khoản phải thu nêu trên cũng như việc tiếp tục ghi nhận lãi phát sinh từ việc hỗ trợ vốn tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của một số hàng tồn kho với số tiền là 249.944.764.270 VND (tại 31 tháng 12 năm 2018: 260.080.527.346 VND). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nói trên một cách hợp lý, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để xác định dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập là đầy đủ và thích hợp hay không. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh dự phòng giảm giá hàng tồn kho hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan khác trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 25 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của một số hàng tồn kho tại Nhà máy Ô tô VEAM - chi nhánh của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 1.064.717.371.121 VND và đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 207.344.509.330 VND trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và ghi nhận chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 170.812.756.289 VND trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2019. Tuy nhiên, kiểm toán viên tiền nhiệm không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về sự giảm giá của hàng tồn kho này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề này đối với báo cáo tài chính của Nhà máy Ô tô VEAM - chi nhánh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Do số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm của Tổng Công ty, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng có thể có đến chỉ tiêu lợi nhuận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối đầu năm trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Như trình bày tại Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, chi phí trả trước dài hạn của Tổng Công ty bao gồm chi phí trả trước dài hạn của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ - Công ty con của Tổng Công ty với tổng số tiền là 256.662.997.285 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 211.479.552.472 VND) phản ánh chi phí khấu hao, chi phí lãi vay và một số chi phí khác được vốn hóa của nhà máy sắt xộp phát sinh từ các năm trước. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để xác định việc vốn hóa các khoản chi phí trả trước nói trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục chi phí trả trước dài hạn và các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Thuyết minh số 25 và Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu bán 450 xe Mighty 2017 trong năm 2018 với số tiền là 261.818.181.900 VND, giá vốn và chi phí bán hàng liên quan tương ứng là 229.707.416.374 VND và 1.627.700.850 VND nhưng toàn bộ xe được bàn giao trong năm 2019. Điều này là không phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Việc ghi nhận doanh thu này từ quyết định của Ban Tổng Giám đốc ở niên độ trước và đã dẫn đến việc kiểm toán viên tiền nhiệm phải đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty của niên độ đó. Nếu doanh thu trên được ghi nhận đúng kỳ, các chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ", "Giá vốn hàng bán", "Chi phí bán hàng" và "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2019 của Tổng Công ty sẽ tăng thêm với số tiền lần lượt là 261.818.181.900 VND, 229.707.416.374 VND, 1.627.700.850 VND và 6.096.612.935 VND. Đồng thời, trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay" sẽ lần lượt giảm đi và tăng thêm với cùng một số tiền là 24.386.451.741 VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 33 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt chính thức biên bản quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty tại thời điểm Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 09 tháng 4 năm 2019 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Trần Thị Thủy Ngọc

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0031-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phan Ngọc Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1101-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.987.032.584.661	16.407.545.885.321
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.576.440.535.375	341.531.412.151
1. Tiền	111		239.697.535.375	267.142.146.196
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.336.743.000.000	74.389.265.955
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	11.264.865.671.563	9.649.922.948.807
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		11.264.865.671.563	9.649.922.948.807
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.186.123.883.993	4.010.621.115.359
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	999.068.862.743	1.567.888.144.058
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	209.303.427.885	281.583.470.841
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.400.181.454.562	2.584.207.993.274
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(434.416.927.711)	(427.038.030.231)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	9	11.987.066.514	3.979.537.417
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.825.857.633.837	2.305.795.663.982
1. Hàng tồn kho	141		2.045.042.704.935	2.346.625.002.702
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(219.185.071.098)	(40.829.338.720)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		133.744.859.893	99.674.745.022
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.091.451.267	9.882.303.807
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		113.274.920.951	83.134.877.540
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	9.378.487.675	6.657.563.675
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.301.986.625.430	9.998.435.326.750
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.158.024.644	156.563.674.823
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	1.464.191.084	46.573.274.434
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	440.000.000	440.000.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	8	10.253.833.560	109.550.400.389
II. Tài sản cố định	220		2.153.245.967.505	2.347.137.341.089
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.076.853.228.024	2.301.588.167.673
- Nguyên giá	222		4.851.852.325.308	4.742.151.014.790
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.774.999.097.284)	(2.440.562.847.117)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	76.392.739.481	45.549.173.416
- Nguyên giá	228		114.973.285.370	79.724.645.871
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38.580.545.889)	(34.175.472.455)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	39.623.917.075
- Nguyên giá	231		-	57.450.728.754
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(17.826.811.679)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		319.717.511.617	112.552.074.607
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	319.717.511.617	112.552.074.607
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.432.237.426.078	6.969.779.512.879
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	7.411.036.542.948	6.948.578.629.749
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	21.200.883.130	21.200.883.130
VI. Tài sản dài hạn khác	260		384.627.695.586	372.778.806.277
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	384.555.826.715	365.204.199.263
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		71.868.871	76.797.014
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	7.497.810.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		33.289.019.210.091	26.405.981.212.071

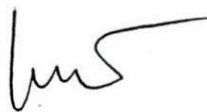
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

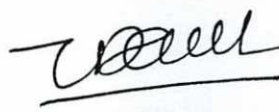
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.450.958.437.382	1.556.403.251.390
I. Nợ ngắn hạn	310		6.300.047.268.542	1.398.652.891.088
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		409.667.678.852	446.653.431.054
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.490.157.582	35.111.464.256
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	38.561.022.861	52.445.220.502
4. Phải trả người lao động	314		198.222.585.957	188.301.226.788
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		37.325.823.337	47.833.423.702
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.606.575.348	2.793.198.359
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	5.308.844.364.949	183.846.996.273
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	180.489.696.322	384.022.426.818
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		12.798.765.679	9.958.724.534
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		87.040.597.655	47.686.778.802
II. Nợ dài hạn	330		150.911.168.840	157.750.360.302
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		484.044.412	501.822.190
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		9.231.969.671	9.570.757.559
3. Phải trả dài hạn khác	337	18	26.980.983.576	11.551.915.388
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	78.087.326.230	115.683.337.780
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		34.852.233.926	18.845.918.788
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.274.611.025	1.596.608.597
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.838.060.772.709	24.849.577.960.681
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	26.830.196.926.590	24.835.638.502.037
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		27.089.186.656	30.144.507.304
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(71.424.341.027)	(117.090.027.796)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		5.339.241.344	6.236.408.361
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.125.501.907	73.005.501.907
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.354.854.775.306	11.360.133.754.737
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.074.726.703.049	4.349.763.062.092
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.280.128.072.257	7.010.370.692.645
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		198.212.562.404	195.208.357.524
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		7.863.846.119	13.939.458.644
1. Nguồn kinh phí	431		(7.367.037.615)	(5.968.345.231)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		15.230.883.734	19.907.803.875
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		33.289.019.212.091	26.405.981.212.071


Lê Thị Thanh Thủy
Người lập biểu


Văn Đình Quân
Kế toán trưởng



Ngô Văn Tuyển
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

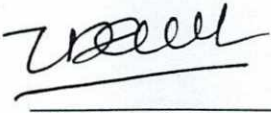
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

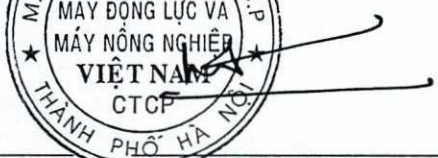
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	4.496.529.829.036	7.074.453.500.290
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	8.877.068.054	4.377.156.129
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	4.487.652.760.982	7.070.076.344.161
4. Giá vốn hàng bán	11	25	4.422.218.626.061	6.467.375.948.323
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		65.434.134.921	602.700.395.838
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	903.273.289.738	416.459.794.982
7. Chi phí tài chính	22	27	21.824.444.124	79.467.200.352
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.498.544.925	20.403.475.065
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24		7.126.005.022.966	6.851.950.846.895
9. Chi phí bán hàng	25	29	88.630.009.496	176.385.161.516
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	467.948.556.124	480.326.147.456
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		7.516.309.437.881	7.134.932.528.392
12. Thu nhập khác	31		7.143.764.478	10.573.415.142
13. Chi phí khác	32	28	108.459.637.982	19.281.097.903
14. Lỗ khác (40=31-32)	40		(101.315.873.504)	(8.707.682.761)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.414.993.564.377	7.126.224.845.631
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	80.244.390.369	60.142.622.428
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	16.011.243.281	18.850.846.931
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.318.737.930.727	7.047.231.376.272
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty mẹ	61		7.280.128.072.257	7.010.370.692.645
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của cổ đông không kiểm soát	62		38.609.858.470	36.860.683.627
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	5.479	5.188


Lê Thị Thanh Thủy
Người lập biểu


Văn Đình Quân
Kế toán trưởng


Ngô Văn Tuyền
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.414.993.564.377	7.126.224.845.631
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	329.643.690.159	291.719.858.633
Các khoản dự phòng	03	188.574.671.003	(16.054.586.757)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	14.692.105	35.731.815
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.026.548.776.610)	(7.265.838.934.632)
Chi phí lãi vay	06	18.498.544.925	20.403.475.065
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(854.296.911)
3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(74.823.614.041)	155.636.092.844
Thay đổi các khoản phải thu	09	702.041.056.143	(1.723.474.721.800)
Thay đổi hàng tồn kho	10	301.582.297.767	1.214.633.934.439
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(196.969.490.247)	(2.123.218.566.259)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(20.560.774.912)	(49.513.656.683)
Tiền lãi vay đã trả	14	(17.041.985.241)	(20.415.085.209)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(91.527.996.175)	(31.188.186.882)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	18.859.789.710
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(94.987.167.809)	(1.570.406.486.671)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	507.712.325.485	(4.129.086.886.511)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(185.362.618.864)	(195.783.586.339)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.546.167.320	4.312.991.832
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.494.284.657.071)	(11.740.106.044.534)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.879.483.994.426	4.242.200.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	720.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.788.810.683.122	10.192.240.538.957
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.991.193.568.933	2.503.583.899.916

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

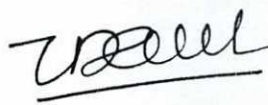
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	808.297.072.821	1.543.204.215.402
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.049.425.814.867)	(1.504.058.304.845)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.872.907.389)	(560.101.536.254)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(263.001.649.435)	(520.955.625.697)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	5.235.904.244.983	(2.146.458.612.292)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	341.531.412.151	2.488.042.051.083
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(995.121.759)	(52.026.640)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5.576.440.535.375	341.531.412.151


Lê Thị Thanh Thủy
Người lập biểu


Văn Đình Quân
Kế toán trưởng




Ngô Văn Tuyển
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020